

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị B, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Lò Văn C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, **110, 116, 117** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị B và anh Lò Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị B và anh Lò Văn C thuận tình ly hôn.

Về nuôi con: Chị Hà Thị B và anh Lò Văn C có một con chung tên là Lò Văn T, sinh ngày 13/5/2011. Chị Hà Thị B và anh Lò Văn C thỏa thuận như sau:

Anh Lò Văn C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Văn T cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 600.000 đồng/tháng đến khi cháu Lò Văn T thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác, phương thức cấp dưỡng là mỗi tháng một lần, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11/2019.

Sau khi ly hôn chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về chia tài sản, nợ chung, cho vay chung: Chị Hà Thị B và anh Lò Văn C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị B và anh Lò Văn C mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hà Thị B phải chịu án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị B tự nguyện nộp thay anh C số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà anh C phải nộp, anh C nhất trí. Tổng cộng chị Hà Thị B phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí. Xác nhận chị Hà Thị B đã nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2010/0003454 ngày 02/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, chị B đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Uyên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Bình

